

Số: 84/QĐ-UBND

Sơn Lĩnh, ngày 15 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai số liệu thực hiện Thu - Chi
Ngân sách 6 tháng đầu năm 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ SƠN LĨNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện quy chế công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách và văn bản hướng dẫn số 1931/STC-NS ngày 24/5/2018 của Sở Tài chính;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 29/12/2024 của HĐND xã Sơn Lĩnh về việc phê chuẩn dự toán thu, chi Ngân sách năm 2024;

Xét đề nghị của phụ trách kế toán xã,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện Thu - Chi Ngân sách sáu tháng đầu năm 2024 của xã Sơn Lĩnh.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Văn phòng UBND xã, Tài chính - Kế toán, các tổ chức ban ngành và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy, HĐND xã;
- Chủ tịch, P chủ tịch UBND;
- UBMTTQ, các ban ngành đoàn thể ;
- Thôn trưởng 7 thôn ;
- Lưu: VP, TC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Q. CHỦ TỊCH



Phạm Hùng Toán

Sơn Lĩnh, ngày 16 tháng 07 năm 2024

BIÊN BẢN

Về việc công khai số liệu Thu – Chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2024

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số: /QĐ-UBND ngày 16/07/2024 của UBND xã Sơn Lĩnh về việc công khai số liệu Thu – Chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2024;

Hôm nay, vào hồi 8h ngày 16/07/2027 tại trụ sở UBND xã Sơn Lĩnh tiến hành lập biên bản niêm yết công khai quyết toán ngân sách năm 2024, cụ thể như sau:

I. Thành phần bao gồm:

1. Ông: Phạm Hùng Toán
2. Ông: Trần Phi Long
3. Ông: Trần Văn Hoàn
4. Ông: Nguyễn Lê Nin
5. Ông: Lê Quang Phong
6. Ông: Phan Tiến Dũng

- Chức vụ: Q.Chủ tịch UBND xã
Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã
Chức vụ: Thanh tra nhân dân
Chức vụ: Phó chủ tịch HĐND xã
Chức vụ: Văn phòng - TK (Thư ký)
Chức vụ: Tài chính - Kế toán

II. Nội dung:

1. Công khai số liệu Thu – Chi ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2024 (Chi tiết có biểu mẫu số liệu đính kèm biên bản)

2. Hình thức công khai:

- Niêm yết tại một cửa trụ sở UBND xã
- Cổng thông tin điện tử xã.
- Nhà văn hóa 7 thôn

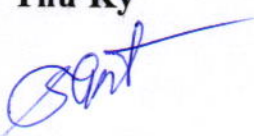
2.3. Thời gian công khai: Từ ngày 16/07/2024 đến ngày 16/08/2024

2.4. Địa điểm công khai: Tại Trụ sở UBND xã; Cổng thông tin điện tử xã.

2.5. Giao bộ phận tài chính ngân sách xã phối hợp với Văn phòng UBND xã tổng hợp các ý kiến phản hồi trong quá trình công khai.

Buổi làm việc kết thúc vào hồi 10 giờ cùng ngày, các thành phần tham gia được thông qua và cùng thống nhất các nội dung./.

Thư Ký


Lê Quang Phong



Q.Chủ tịch


Phạm Hùng Toán

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3 = 2/1
I	TỔNG SỐ THU	6.354.468	5.962.972	93,84
1	Các khoản thu xã hưởng 100 %	16.000	262	1,64
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	343.000	50.717	14,79
3	Thu bổ sung	5.995.468	2.889.490	48,19
	- Bổ sung cân đối ngân sách	5.995.468	2.578.640	43,01
	- Bổ sung có mục tiêu		310.850	
4	Thu chuyển nguồn		3.022.503	
II	TỔNG SỐ CHI	6.234.634	3.212.548	51,53
1	Chi đầu tư phát triển	225.000	1.095.196	486,75
2	Chi thường xuyên	5.885.450	2.117.352	35,98
3	Dự phòng	124.184		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu	6.751.468	6.394.468	6.016.038	5.962.972	89,11	93,25
I	Các khoản thu 100%	56.000	56.000	392	262	0,70	0,47
1	Phí, lệ phí	10.000	10.000				
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	40.000	40.000				
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định			392	262		
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác						
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	6.000	6.000				
1	Các khoản thu phân chia	700.000	343.000	103.653	50.717	14,81	14,79
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	100.000	80.000	9.149	8.989	9,15	11,24
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình			156	156		
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh						
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất			3.600	3.600		
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	100.000	80.000	5.393	5.233	5,39	6,54
2.1	Thu tiền sử dụng đất	600.000	263.000	94.504	41.728	15,75	15,87
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	500.000	225.000	27.540	12.393	5,51	5,51
2.3	Thuế tài nguyên	35.000	10.500	9.426	2.828	26,93	26,93
2.4	Thuế giá trị gia tăng						
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp	65.000	27.500	57.538	26.507	88,52	96,39
2.6	Thuế thu nhập cá nhân						
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn						
V	Thu kết dư ngân sách năm trước			3.022.503	3.022.503		

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5.995.468	5.995.468	2.889.490	2.889.490	48,19	48,19
1	Thu bổ sung cân đối	5.995.468	5.995.468	2.578.640	2.578.640	43,01	43,01
2	Thu bổ sung có mục tiêu			310.850	310.850		

